

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HIỆP HOÀ
TỈNH BẮC GIANG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 46/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 20/08/2024

V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HIỆP HOÀ, TỈNH BẮC GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tuấn

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Thanh Miện

2. Bà Hoàng Thị Kim Oanh

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Quyền -Thư ký Toà án nhân dân huyện Hiệp Hoà, tỉnh Bắc Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hiệp Hoà tham gia phiên tòa:

Ông Nguyễn Văn Đông - Kiểm sát viên

Trong ngày 20 tháng 8 năm 2024, tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân huyện Hiệp Hoà, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 118/2024/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 6 năm 2024 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 38/2024/QĐXX ST- HNGĐ ngày 22 tháng 7 năm 2024 và quyết định hoãn phiên tòa số 77/2024/QĐST-HNGĐ ngày 01/8/2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Đỗ Thị Thu H**, sinh năm 2002. Có mặt

Nơi thường trú: **Thôn M, xã M, huyện H, tỉnh Bắc Giang.**

Bị đơn: Anh **Đặng Văn T**, sinh năm 1996. Vắng mặt

Nơi thường trú: **Thôn M, xã M, huyện H, tỉnh Bắc Giang**

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn xin ly hôn đề ngày 13/5/2024; bản tự khai và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn chị **Đỗ Thị Thu H** trình bày:

Chị và anh **Đặng Văn T** kết hôn với nhau ngày 06/8/2021, đăng ký kết hôn tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã M, huyện H, tỉnh Bắc Giang. Trước khi kết hôn vợ chồng có được tự do tìm hiểu, sau khi kết hôn chị về nhà anh T làm dâu ngay và sống chung cùng gia đình nhà anh T. Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn giữa bố mẹ anh T và bố mẹ chị, dẫn đến mâu

thuần vợ chồng. Từ tháng 12 năm 2021 chị về nhà bố mẹ đẻ ở, từ tháng 12/2021 đến nay hai vợ chồng ly thân, không ai quan tâm đến ai.

Nay chị xác định tình cảm vợ chồng giữa chị và anh **T** không còn, chị đề nghị Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang giải quyết cho chị được ly hôn anh **T**.

Về con chung: Chị xác định vợ chồng có một con chung là **Đặng Thị Tâm A**, sinh ngày 20/02/2022. Từ khi sinh con đến nay thì chị vẫn nuôi con ở nhà bố mẹ đẻ, anh **T** và gia đình anh **T** không đến thăm con bao giờ. Ly hôn chị đề nghị được nuôi dưỡng con chung cháu **Tâm A**, chị không yêu cầu anh **T** cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công sức, công nợ, nhà ở, quyền sử dụng đất và các quan hệ khác: Chị xác định vợ chồng không có, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay chị giữa nguyên yêu cầu đề nghị ly hôn anh **T**. Về con chung chị yêu cầu được nuôi con chung, chị không yêu cầu anh **T** phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công sức, công nợ, nhà ở, quyền sử dụng đất và các quan hệ khác: Chị xác định vợ chồng không có, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Bị đơn anh **Đặng Văn T** vắng mặt tại phiên tòa hôm nay nhưng tại Bản tự khai, quá trình hòa giải tại Tòa án trình bày:*

Anh và chị **H** kết hôn với nhau ngày 06/8/2021, trước khi kết hôn vợ chồng được tự do tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã **M**, huyện **H**, tỉnh **Bắc Giang**. Sau khi vợ chồng kết hôn chị **H** về nhà anh làm dâu ngay, vợ chồng và chung sống cùng gia đình nhà anh. Đến tháng 12/2021 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do bố mẹ hai bên mâu thuẫn với nhau, sau đó vợ chồng mâu thuẫn. Chị **H** bỏ về nhà bố mẹ đẻ chị Hiền từ tháng 12/2021 đến nay. Sau khi chị **H** bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở thì anh và gia đình anh đã nhiều lần hòa giải đến đón chị **H** về nhưng chị **H** không về để vợ chồng đoàn tụ. Chị **H** yêu cầu ly hôn anh không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Anh **T** xác định vợ chồng có một con chung **Đặng Thị Tâm A**, sinh ngày 20/02/2022. Hiện nay con chung đang ở với chị **H**. Ly hôn anh đề nghị được nuôi dưỡng con chung.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh không yêu cầu chị **H** phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức, nhà ở, quyền sử dụng đất và các vấn đề khác: Anh xác định vợ chồng không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hiệp Hòa phát biểu ý kiến: Về việc tuân theo quy định pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đúng quy định pháp luật; việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn đúng quy định pháp luật, bị đơn trong quá trình giải quyết vụ án chưa thực hiện đúng quy định của pháp luật Tổ tụng dân sự.

Về đường lối giải quyết vụ án:

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Các Điều 51; Điều 56; Điều 57; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

+ Về quan hệ hôn nhân: Xử: Chị **Đỗ Thị Thu H** được ly hôn anh **Đặng Văn T**.

+ Về con chung: Giao cho chị **Đỗ Thị H** trực tiếp nuôi dưỡng con chung **Đặng Thị Tâm A**, sinh ngày 20/02/2022.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh **Đặng Văn T** không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh **Đặng Văn T** được quyền thăm nom con chung không ai được cản trở anh **T** thực hiện quyền này.

Về án phí: Chị **Đỗ Thị Thu H** phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Đề nghị tuyên quyền kháng cáo cho các đương sự được biết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ và các chứng cứ được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn chị **Đỗ Thị Thu H** khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, nuôi con chung với anh **Đặng Văn T** có nơi cư trú tại **xã M, huyện H**, Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang thụ lý giải quyết theo thẩm quyền quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về yêu cầu giải quyết của chị **Đỗ Thị Thu H**, xác định đây là quan hệ pháp luật là quan hệ “ly hôn, tranh chấp nuôi con chung” theo khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: Hội đồng xét xử xét thấy chị **H** và anh **T** kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, thỏa thuận và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã **M, huyện H**, được vào Sổ đăng ký kết hôn số: 31 ngày 06/8/2021, nên xác định là hôn nhân hợp pháp và được pháp luật bảo vệ. Trong quá trình chung sống chị **H** và anh **T** có mâu thuẫn, cả hai vợ chồng đều xác định nguyên nhân mâu thuẫn ban đầu do hai bên bố mẹ anh chị, sau đó dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng. Quá trình chung sống với nhau chỉ được một thời gian ngắn, tháng 12/2021 chị **H** đã về nhà bố mẹ đẻ ở. Từ tháng 12/2021 đến nay vợ chồng ly thân, bản thân chị **H** khi sinh con tại nhà bố mẹ đẻ anh **T**, gia đình anh **T** cũng không quan tâm chăm sóc gì chị **H** và con chung.

Mặt khác quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án anh **T** cũng xác định từ khi chị **H** về nhà bố mẹ đẻ đến nay thì anh cũng không có biện pháp gì để vợ chồng về đoàn tụ.

Căn cứ vào kết quả xác minh tình trạng hôn nhân tại địa phương, xét thấy thấy phù hợp với lời trình bày của chị **H**. Hội đồng xét xử thấy rằng có đủ căn cứ khẳng định chị **H**, anh **T** đã không còn chung sống với nhau một thời gian dài, giữa hai vợ chồng không còn yêu thương, quan tâm đến nhau, mâu thuẫn cũng đã được hai bên gia đình khuyên giải nhưng không có kết quả, do vậy tình trạng hôn nhân của chị **H**, anh **T** đã đến mức trầm trọng, không thể khắc phục được, đời sống chung thực tế đã không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Việc anh **T** không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị **H** chỉ nhằm mục đích gây khó khăn cho chị **H** tạo dựng cuộc sống mới.

Vì vậy, Hội đồng xét xử cần xử cho chị **H** được ly hôn anh **T** là phù hợp theo Điều 51; Điều 56 Luật Hôn nhân và gia Đình.

[3]. Về con chung: Chị **H** và anh **T1** xác định vợ chồng có 01 con chung là cháu **Đặng Thị Tâm A**, sinh ngày 20/02/2022. Hiện nay cháu **A** đang ở với chị **H**. Ly hôn cả chị **H1** và anh **T** đều đề nghị nuôi dưỡng con chung.

Hội đồng xét xử xét thấy quyền và nghĩa vụ nuôi dưỡng con chung của chị **H**, anh **T** là như nhau.

Tuy nhiên cháu **A**, sinh ngày 20/02/2022, tính đến thời điểm xét xử cháu **A** chưa đủ 36 tháng tuổi.

Hơn nữa, kể từ thời điểm vợ chồng ly thân đến nay cháu **A** được chị **H** nuôi dưỡng, chăm sóc trực tiếp, mọi sinh hoạt hàng ngày của cháu đều được đảm bảo. Do vậy, cần tiếp tục giao cháu **A** cho chị **H** trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Sau khi ly hôn anh **Đặng Văn T** có quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung theo quy định của pháp luật, không ai được cản trở anh **Đặng Văn T** thực hiện quyền này.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị **H** không yêu cầu anh **T** cấp dưỡng nuôi con, do vậy anh **T** không phải cấp dưỡng nuôi con cho đến khi chị **H** có yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

[5]. Về tài sản chung, tài sản riêng, công sức, công nợ, nhà ở, quyền sử dụng đất, ruộng đất và các quan hệ khác: Chị **H**, anh **T** cùng xác định vợ chồng không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết cho nên Hội đồng xét xử không xem xét là có căn cứ.

[6]. Về án phí: Chị **H** không thuộc đối tượng miễn án phí do vậy chị **H** phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[7]. Về quyền kháng cáo: Chị **H**, anh **T** được quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51; Điều 56; Điều 57; Điều 58; khoản 1 Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị **Đỗ Thị Thu H** được ly hôn anh **Đặng Văn T**.

2. Về con chung: Giao cho chị **Đỗ Thị Thu H** trực tiếp nuôi dưỡng con chung **Đặng Thị Tâm A**, sinh ngày 20/02/2022.

Sau khi ly hôn anh **Đặng Văn T** có quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung theo quy định của pháp luật, không ai được cản trở anh **T** thực hiện quyền này.

Trong trường hợp có yêu cầu của đương sự hoặc cá nhân, tổ chức được quy định khoản 5 Điều 84 – Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Anh **Đặng Văn T** không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị **Đỗ Thị Thu H**.

4. Về án phí: Chị **Đỗ Thị Thu H** phải chịu 300.000đ tiền án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003982 ngày 12/6/2024 của Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Hiệp Hòa. Xác định chị **H** đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn chị **Đỗ Thị Thu H** có mặt biết được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn anh **Đặng Văn T** vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát ND H. Hiệp Hòa;
- Chi cục THA DS H. Hiệp Hòa;
- Ủy ban nhân dân xã Mai Đình;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Văn Tuấn

